TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/HS-ST
Ngày 06-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Văn Nở
bà Nguyễn Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Hữu T - sinh ngày 01/6/1991 tại Khánh Hòa; Hộ khẩu thường trú: 17 đường X - phường S - thành phố N - Khánh Hòa; Chỗ ở: không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hữu H và bà Lý Thị B; Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: Bản án số 15/2012/HSST ngày 18/01/2012, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong ngày 15/3/2012; Bị tạm giam từ ngày 20/9/2024; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Lê Công V - sinh năm 1990; Vắng mặt.
HKTT: thôn S - xã H - huyện P - Ninh Thuận.
Trú tại: 10 đường Đ - phường P - thành phố N - Khánh Hoà.

2. Nguyễn Văn N - sinh năm 2000; Vắng mặt.
HKTT: thôn 7 - xã E - huyện P - Đắk Lắk.
Trú tại: 18/20 đường P - phường P - thành phố N - Khánh Hòa.

3. Võ Duy Đ - sinh năm 2001; Vắng mặt.
HKTT: thôn C - xã Q - huyện Q - Quảng Nam.

Trú tại: 92[A] đường H - phường P - thành phố N - Khánh Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Lê Thị Thu M - sinh năm 1984; Vắng mặt.
Trú tại: thôn T - xã P - huyện N - Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 4/2024, Trần Hữu T đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố N, cụ thể như sau:

Vụ 1: Trần Hữu T quen biết Lê Công V vì trước đây sinh sống cùng dãy nhà trọ. Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 25/02/2024, V điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 85D1-307.91 chở T đi uống cà phê tại quán LM (161 đường D - phường N - thành phố N). Để chiếm đoạt xe máy này của anh V, T đã nói dối là mượn xe để đi mua đồ dùng cá nhân, V tin tưởng nên đồng ý và giao xe cho T. Sau khi nhận được xe, T điều khiển xe bỏ đi, sau đó, rao bán xe máy trên mạng xã hội Facebook và đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch ở khu vực chợ V thuộc xã V - thành phố N với giá 1.000.000đ rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 680/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: Xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius (biển kiểm soát 85D1-307.91) vào thời điểm tháng 02/2024 trị giá 5.800.000đ.

Vụ 2: Trần Hữu T và Nguyễn Văn N quen biết nhau vì trước đây là đồng nghiệp cùng Công ty xây dựng L. Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 13/4/2024, T thấy N đăng bài trên mạng xã hội zalo để tìm mua xe máy cho người thân nên nhắn tin cho N, nói dối rằng mình có quen biết chỗ bán xe máy Yamaha Sirius rồi hẹn N đến quán cà phê tại đường Nguyễn Đức C. Khi đến quán cà phê, T nói mình không có xe nên yêu cầu N chở mình đi đến khi vực đường X - phường S để xem và mua xe máy. N đồng ý và chở T đến đường X. Để chiếm đoạt xe máy, T nói dối mượn xe để vào gọi ông anh đem xe ra. N tin tưởng, nghĩ là thật nên đồng ý giao xe máy hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển kiểm soát 47M1-804.46 cho T. Khi nhận được xe máy, T điều khiển xe bỏ đi, sau đó, rao bán xe máy này trên mạng xã hội Facebook và đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch khu vực chợ V thuộc xã V - thành phố N với giá 2.000.000đ rồi sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 678/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: Xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter (biển kiểm soát 47M1-804.46) vào tháng 4/2024 trị giá 29.250.000đ.

Vụ 3: Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 19/4/2024, Võ Duy Đ đá bóng xong tại sân bóng thanh niên ngoài biển, Đ đang đi về thì gặp Trần Hữu T là người quen biết khi đá banh, T rủ Đ đi nhậu. Đ đồng ý và dùng xe máy nhãn hiệu Honda Winner, màu đỏ đen trắng, biển kiểm soát 92G1-313.42 chở T đến quán L tại địa chỉ 65B Nguyễn Đức C - phường P - thành phố N. Khi Đ đang nhậu, T thấy Đ có xe máy hiệu Honda Winner nên nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài, Khoảng 20 giờ cùng ngày, T lấy lý do muốn mượn xe Đ để chở anh họ đến nhậu. Đ tin tưởng nên đồng ý và giao xe cho T. Sau khi nhận xe máy nhãn hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 92G1-313.42, T điều khiển xe bỏ đi, sau đó rao bán xe máy này trên mạng xã hội Facebook và đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch ở khu vực chợ V thuộc xã V - thành phố N với giá 2.000.000đ rồi sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 679/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda Winner (biển kiểm soát 92G1-313.42) vào tháng 4/2024 trị giá 23.220.000đ.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSNT ngày 28/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hữu T từ 02 năm 6 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện rõ lời khai của những người này nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 4/2024, Trần Hữu T đã thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố N, cụ thể:

Vụ 1: Ngày 25/02/2024, tại quán LM (161 đường D - phường V - thành phố N), T đã lừa đảo chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 85D1-307.91, trị giá 5.800.000đ của anh Lê Công V.

Vụ 2: Ngày 13/4/2025, tại khu vực đường X - phường S - thành phố N, T đã lừa đảo chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển kiểm soát 47M1-804.46, trị giá 29.250.000đ của anh Nguyễn Văn N.

Vụ 3: Ngày 19/4/2024, tại quán L (65B Nguyễn Đức C - phường P - thành phố N), T đã lừa đảo chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 92G1-313.42, trị giá 23.220.000đ của anh Võ Duy Đ.

Hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ. Chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 02 đến tháng 4/2024, bị cáo đã 03 lần lợi dụng sự tin tưởng của người khác, đưa ra những thông tin không đúng nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Năm 2012, bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng bị cáo vẫn không rút ra được bài học cho bản thân. Điều này thể hiện thái độ xem thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết "Phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo để bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hồ sơ thể hiện anh Lê Công V và chị Lê Thị Thu M không có yêu cầu gì. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Công V, và chị M vắng mặt. Do đó, tách yêu cầu dân sự giữa anh V, chị M với bị cáo T thành vụ kiện dân sự khác khi anh V, chị M có yêu cầu.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn N và Võ Duy Đan vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ thể hiện, anh N và Đ yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Đây là yêu cầu chính đánh của hai anh nên cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh N số tiền 29.250.000đ và bồi thường cho anh Đ số tiền 23.220.000đ.

[6] Về vật chứng: 01 điện thoại di động OPPO, màu đồng, là tài sản riêng của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 292 của Luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Hữu T.

Xử phạt: bị cáo **Trần Hữu T 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**. **Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2024**.

Về trách nhiệm dân sự: Tách phần trách nhiệm dân sự giữa bị cáo Trần Hữu T với bị hại Lê Công V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thu M thành vụ kiện dân sự khác khi anh V và chị M có yêu cầu.

Bị cáo Trần Hữu T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 29.250.000đ (*Hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); bồi thường cho anh Võ Duy Đ số tiền 23.220.000đ (*Hai mươi ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho Trần Hữu T 01 (một) điện thoại di động OPPO, màu đồng.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/5/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N*)

Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Hữu T nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.623.500đ (*Hai triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an thành phố N;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương